



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch	
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Thành Công	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2012
Ông Nguyễn Xuân Biều	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Thanh	Quyền Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Khương Tất Thành	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên
Ông Trần Hải Văn	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013



Số: 172/2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0725/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		246.516.471.906	336.146.514.948
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	108.033.367.368	11.262.900.871
111	1. Tiền		108.033.367.368	11.262.900.871
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	84.268.208.098	106.663.086.095
121	1. Đầu tư ngắn hạn		108.122.824.048	172.783.149.138
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(23.854.615.950)	(66.120.063.043)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	48.356.460.684	211.747.213.442
131	1. Phải thu của khách hàng		33.000.000	36.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.053.060.848	1.356.806.378
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1.768.636.909	2.424.191.552
138	5. Các khoản phải thu khác		89.000.926.321	207.930.215.512
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.499.163.394)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.858.435.756	6.473.314.540
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.496.382	25.496.382
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	119.503.462	124.047.699
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	5.713.435.912	6.323.770.459
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.743.973.541	12.826.664.326
220	II. Tài sản cố định		6.794.433.493	9.092.761.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.170.115.420	6.906.915.515
222	- Nguyên giá		12.093.120.842	12.093.120.842
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.923.005.422)	(5.186.205.327)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1.624.318.073	2.185.845.855
228	- Nguyên giá		3.344.764.277	3.344.764.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.720.446.204)	(1.158.918.422)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	15.000.000	15.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.934.540.048	3.718.902.956
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	240.616.322	1.244.088.999
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.693.923.726	2.474.813.957
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		256.260.445.447	348.973.179.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		39.030.468.824	68.342.521.634
310	I. Nợ ngắn hạn		39.030.468.824	68.342.521.634
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	30.512.510.432	48.328.538.874
312	2. Phải trả người bán		4.653.000	653.233.000
313	3. Người mua trả tiền trước		50.000.000	107.023.276
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	20.333.173	69.262.048
315	5. Phải trả người lao động		207.000.660	451.211.711
316	6. Chi phí phải trả	17	2.404.241.764	2.389.902.063
317	7. Phải trả nội bộ		88.368.600	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	5.735.664.269	15.844.512.091
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	497.000.000
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		7.696.926	1.838.571
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		217.229.976.623	280.630.657.640
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	217.229.976.623	280.630.657.640
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	(10.400.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	1.813.981.917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	1.813.981.917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(142.346.437.211)	(78.945.756.194)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		256.260.445.447	348.973.179.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký	422.657.290.000	480.102.640.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	410.146.130.000	469.259.040.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	3.855.700.000	455.700.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	316.290.430.000	378.803.340.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	90.000.000.000	90.000.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	2.598.110.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	2.598.110.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	9.913.050.000	7.272.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	9.913.050.000	7.272.800.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	-	3.570.800.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	3.570.800.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	2.539.020.000	1.560.720.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	2.539.020.000	1.560.720.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	2.539.020.000	1.560.720.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	21.649.340.000	61.280.868.326



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu	20	18.597.230.541	65.666.646.128
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.589.889.373	20.621.191.091
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		238.137.980	333.376.004
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		419.091.365	542.990.453
01.9	Doanh thu khác		16.350.111.823	44.169.088.580
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	18.597.230.541	65.666.646.128
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	69.175.861.544	141.691.695.427
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(50.578.631.003)	(76.025.049.299)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	12.674.073.290	20.192.948.676
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(63.252.704.293)	(96.217.997.975)
31	8. Thu nhập khác		42.023.276	120.191.309
32	9. Chi phí khác		190.000.000	184.969.551
40	10. Lợi nhuận khác		(147.976.724)	(64.778.242)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(63.400.681.017)	(96.282.776.217)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(63.400.681.017)</u>	<u>(96.282.776.217)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(1.857)	(2.821)



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(63.400.681.017)	(96.282.776.217)
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.298.327.877	2.155.450.282
03	- Các khoản dự phòng		1.233.716.301	62.245.317.586
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		11.891.203.323	(40.569.963.861)
06	- Chi phí lãi vay		6.304.836.567	23.950.873.057
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(41.672.596.949)	(48.501.099.153)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		113.123.356.290	141.077.970.026
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		21.859.868.326	(47.582.040.355)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.317.374.364)	(77.888.745.741)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.003.472.677	3.979.953.805
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.483.486.571)	(23.204.222.222)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.505.858.894)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		28.210.541	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		267.416.042	(1.436.532.116)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		76.808.865.992	(55.060.574.650)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.455.492.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	56.021.273
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(54.665.941.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		69.225.082.618	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.218.487.329	42.406.738.935
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		37.777.628.947	41.007.268.208
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		13.094.992.772	144.772.698.073
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(30.911.021.214)	(208.344.159.199)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(236.250.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.816.028.442)	(63.807.711.126)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		96.770.466.497	(77.861.017.568)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		11.262.900.871	89.123.918.439
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	<u>108.033.367.368</u>	<u>11.262.900.871</u>



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(78.945.756.194)	(63.400.681.017)	-	(142.346.437.211)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	280.630.657.640	(63.400.681.017)	-	217.229.976.623

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
Quỹ đầu tư phát triển		816.709.047	997.272.870	-	1.813.981.917
Quỹ dự phòng tài chính		816.709.047	997.272.870	-	1.813.981.917
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.373.384.059	(96.282.776.217)	(3.036.364.036)	(78.945.756.194)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	377.955.252.153	(94.288.230.477)	(3.036.364.036)	280.630.657.640



Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

0111
CÔNG
CH NHIỆN
CH VỤ
CHÍNH KẾ
KIỂM T
KIỂM ME

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 căn cứ trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	32.911.162.091	15.844.512.091	(17.066.650.000)	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(96.012.406.194)	(78.945.756.194)	17.066.650.000	(1)

(1) Trong năm 2011, Công ty thực hiện ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản phải trả cổ tức năm 2010 cho nhà đầu tư 17.066.650.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/2011/NQ-ĐHCD ngày 17/04/2011. Tuy nhiên, do không có nguồn để thực hiện chi trả nên Hội đồng quản trị Công ty đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2012/NQ-ĐHCD ngày 22/04/2012.

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	340.000	959.000.000
- Cổ phiếu	340.000	959.000.000
Của người đầu tư	89.944.621	666.151.573.000
- Cổ phiếu	89.916.331	665.992.318.000
- Chứng chỉ quỹ	28.290	159.255.000
	90.284.621	667.110.573.000

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	7.913.109.756	1.124.729.335
Tiền gửi ngân hàng	95.237.887.969	1.159.594.878
Tiền đang chuyển	-	2
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.238.190.442	4.594.646.831
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	3.477	3.399
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	1.962.213	939.698
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.642.213.511	4.382.986.728
	108.033.367.368	11.262.900.871

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	2.550.004	3.528.953	46.020.189.643	67.880.057.969	-	-	(7.700.237.643)	(14.175.363.308)	38.319.952.000	53.704.694.661
Chứng khoán niêm yết	385.070	345.070	6.739.189.643	6.599.189.643	-	-	(5.045.237.643)	(6.599.189.643)	1.693.952.000	-
- DXV	15.000	15.000	219.000.000	219.000.000	-	-	(160.500.000)	(219.000.000)	58.500.000	-
- ITC	3.000	3.000	75.300.000	75.300.000	-	-	(51.000.000)	(75.300.000)	24.300.000	-
- SVC	27.070	27.070	904.889.643	904.889.643	-	-	(536.737.643)	(904.889.643)	368.152.000	-
- TIG	330.000	300.000	5.511.000.000	5.400.000.000	-	-	(4.290.000.000)	(5.400.000.000)	1.221.000.000	-
- VIG (*)	10.000	-	29.000.000	-	-	-	(7.000.000)	-	22.000.000	-
Chứng khoán chưa niêm yết	2.164.934	3.183.883	39.281.000.000	61.280.868.326	-	-	(2.655.000.000)	(7.576.173.665)	36.626.000.000	53.704.694.661
- CP 150611	-	19.900	-	497.500.000	-	-	-	(99.500.000)	-	398.000.000
- CPBĐSTL	-	148.000	-	1.776.000.000	-	-	-	(355.200.000)	-	1.420.800.000
- CPTCT	1.200.000	1.200.000	23.400.000.000	23.400.000.000	-	-	-	-	23.400.000.000	23.400.000.000
- CPKSTL	-	900.000	-	14.400.000.000	-	-	-	(2.880.000.000)	-	11.520.000.000
- CPTCCKTL	-	124.000	-	1.612.000.000	-	-	-	(322.400.000)	-	1.289.600.000
- CPTLPT	-	90.000	-	1.170.000.000	-	-	-	(234.000.000)	-	936.000.000
- CPVHTTL	-	52.000	-	624.000.000	-	-	-	(124.800.000)	-	499.200.000
- CPVPB	100.000	100.000	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	(1.890.000.000)	(540.000.000)	810.000.000	2.160.000.000
- DGHDC	31.600	499.983	316.000.000	11.636.368.326	-	-	-	(2.327.273.665)	316.000.000	9.309.094.661
- DGSBC	50.000	50.000	3.465.000.000	3.465.000.000	-	-	(765.000.000)	(693.000.000)	2.700.000.000	2.772.000.000
- KSVLXDHN	783.334	-	9.400.000.000	-	-	-	-	-	9.400.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	1.807.887	6.185.287	62.102.634.405	104.903.091.169	-	-	(16.154.378.307)	(51.944.699.735)	45.948.256.098	52.958.391.434
- Ủy thác đầu tư VICS INVEST	1.773.687	6.151.087	21.442.542.405	69.160.459.169	-	-	(15.205.386.307)	(51.078.037.486)	6.237.156.098	18.082.421.683
- cổ phiếu niêm yết	17	17	594.002	594.006	-	-	(316.904)	(226.806)	277.098	367.200
+ ACB	5.000	80.000	64.351.750	1.035.428.000	-	-	(21.851.750)	(635.428.000)	42.500.000	400.000.000
+ CKV	41.000	41.000	806.920.075	806.920.075	-	-	(499.420.075)	(560.920.075)	307.500.000	246.000.000
+ SD9	15.000	15.000	201.600.000	201.600.000	-	-	(168.600.000)	(167.100.000)	33.000.000	34.500.000
+ SJM	1.247.870	1.084.070	15.811.570.555	14.923.182.827	-	-	(11.194.451.555)	(11.562.565.827)	4.617.119.000	3.360.617.000
+ TIG	34.000	225.800	657.545.529	4.389.346.882	-	-	(368.545.529)	(2.379.726.882)	289.000.000	2.009.620.000
+ VCG	430.800	4.114.600	3.899.960.494	36.378.760.447	-	-	(2.952.200.494)	(30.587.967.964)	947.760.000	5.790.792.483
+ VIG	-	10.000	-	307.657.377	-	-	-	(194.657.377)	-	113.000.000
+ AAA	-	61.200	-	1.370.521.123	-	-	-	(55.641.123)	-	1.314.880.000
+ DBT	-	40.000	-	840.966.205	-	-	-	(548.966.205)	-	292.000.000
+ ITC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
 Đống Đa, Hà Nội

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ LCG	-	63.000	-	1.951.391.045	-	-	-	(994.066.045)	-	957.325.000
+ PVX	-	270.000	-	4.657.699.901	-	-	-	(2.048.699.901)	-	2.609.000.000
+ REE	-	46.400	-	739.387.970	-	-	-	(215.067.970)	-	524.320.000
+ SAM	-	100.000	-	1.557.003.311	-	-	-	(1.127.003.311)	-	430.000.000
+ SCL	34.200	34.200	1.106.312.000	1.106.312.000	-	-	(948.992.000)	(866.662.249)	157.320.000	239.649.751
- Ủy thác đầu tư dự án ICT Tower			20.280.000.000	20.280.000.000	-	-	-	-	20.280.000.000	20.280.000.000
- Ủy thác cho bà Lê Thủy Hằng			6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Cho CBNV VICS vay			1.376.320.000	1.376.320.000	-	-	-	-	1.376.320.000	1.376.320.000
- Dự án Hồ Thủy Tiên - Tp. Huế			220.000.000	220.000.000	-	-	-	-	220.000.000	220.000.000
- Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2011			510.000.000	510.000.000	-	-	-	-	510.000.000	510.000.000
- Đầu tư ủy thác bất động sản Thăng Long			11.167.460.000	-	-	-	-	-	11.167.460.000	-
- Đặt cọc và cho vay dự án COMA TOWER			-	6.250.000.000	-	-	-	-	-	6.250.000.000
	<u>4.357.891</u>	<u>9.714.240</u>	<u>108.122.824.048</u>	<u>172.783.149.138</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(23.854.615.950)</u>	<u>(66.120.063.043)</u>	<u>84.268.208.098</u>	<u>106.663.086.095</u>

51111
 CÔNG
 KHÁCH NH
 DỊCH VỤ
 TÀI CHÍNH
 KẾ
 HOẠCH

CHÍNH
 V
 CỘNG
 CỘNG
 KHÁNH
 CÔNG
 VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÁN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
Phải thu của khách hàng	36.000.000	-	7.302.281.000	7.305.281.000	33.000.000	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	36.000.000	-	131.000.000	134.000.000	33.000.000	-	-
- Phải thu hoạt động khác	-	-	7.171.281.000	7.171.281.000	-	-	-
Trả trước cho người bán	1.356.806.378	-	346.279.600	650.025.130	1.053.060.848	-	-
- Ứng trước Công ty CP VICS INVEST	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-	-
- Ứng trước Công ty Phần mềm HT2D	470.385.000	-	-	-	470.385.000	-	-
- Ứng trước cho ông Triệu Xã Luận	42.000.000	-	-	-	42.000.000	-	-
- Ứng trước cho bà Nguyễn Thị Liễu	30.000.000	-	-	-	30.000.000	-	-
- Ứng trước Công ty CP SUNTECH	90.900.000	-	-	-	90.900.000	-	-
- Ứng trước DLHC	51.786.240	-	-	-	51.786.240	-	-
- Ứng trước khác	371.735.138	-	346.279.600	650.025.130	67.989.608	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.424.191.552	-	76.415.859.173	77.071.413.816	1.768.636.909	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	2.424.191.552	-	76.415.859.173	77.071.413.816	1.768.636.909	-	-
Các khoản phải thu khác	207.930.215.512	-	1.155.909.719.054	1.274.839.008.245	89.000.926.321	-	43.499.163.394
- Bảo hiểm y tế	262.571	-	-	262.571	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	197.073.755.968	-	1.132.117.975.030	1.246.786.538.915	82.405.192.083	-	43.499.163.394
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.609.024.355	-	6.412.182.206	13.280.557.712	2.740.648.849	-	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư Thăng Long	-	-	7.195.148.752	6.135.471.943	1.059.676.809	-	-
- Thù lao và các khoản chi hộ cho Hội đồng quản trị	245.300.000	-	144.000.000	-	389.300.000	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi quá	476.002.972	-	294.697.000	500.000	770.199.972	-	-
- Phải thu khác	525.869.646	-	9.745.716.066	8.635.677.104	1.635.908.608	-	-
	211.747.213.442	-	1.239.974.138.827	1.359.865.728.191	91.855.624.078	-	43.499.163.394
							(43.499.163.394)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.667.553	6.211.790
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
	119.503.462	124.047.699

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.401.760.817	3.497.359.012
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.311.675.095	2.826.411.447
	5.713.435.912	6.323.770.459

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.101.857.877	4.310.897.380	6.680.365.585	12.093.120.842
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.101.857.877	4.310.897.380	6.680.365.585	12.093.120.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	488.436.888	1.779.272.070	2.918.496.369	5.186.205.327
Số tăng trong năm	145.226.480	513.817.365	1.077.756.250	1.736.800.095
- Trích khấu hao	145.226.480	513.817.365	1.077.756.250	1.736.800.095
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	633.663.368	2.293.089.435	3.996.252.619	6.923.005.422
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	613.420.989	2.531.625.310	3.761.869.216	6.906.915.515
Số dư cuối năm	468.194.509	2.017.807.945	2.684.112.966	5.170.115.420

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.344.764.277
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	3.344.764.277
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.158.918.422
Số tăng trong năm	561.527.782
- Trích khấu hao	561.527.782
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	1.720.446.204
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	2.185.845.855
Số dư cuối năm	1.624.318.073

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Góp vốn Công ty Cổ phần VICS INVEST	15.000.000	15.000.000
	15.000.000	15.000.000

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	1.244.088.999	5.224.042.804
Số tăng trong năm	39.497.800	191.480.070
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.042.970.477)	(4.171.433.875)
Số dư cuối năm	240.616.322	1.244.088.999

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.242.500	340.012.148
Chi phí thuê văn phòng	-	115.436.735
Chi phí trả trước dài hạn khác	223.373.822	788.640.116
	240.616.322	1.244.088.999

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMTầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	2.474.813.957	1.050.690.689
Tiền nộp bổ sung	13.210.541	1.386.767.655
Tiền lãi phân bổ trong năm	205.899.228	37.355.613
Số dư cuối năm	2.693.923.726	2.474.813.957

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	48.328.538.874	13.094.992.772	(30.911.021.214)	30.512.510.432
- Tổ chức, cá nhân	48.328.538.874	13.094.992.772	(30.911.021.214)	30.512.510.432
	48.328.538.874	13.094.992.772	(30.911.021.214)	30.512.510.432

Chi tiết các khoản vay:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV đầu tư và PTNN Hà Nội ⁽¹⁾	26.162.937.426	34.543.333.335
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	-	2.789.101.557
Công ty Cổ phần Tài nguyên Khoáng sản và BĐS Thăng Long ⁽²⁾	2.500.000.004	7.996.103.982
Bà Nguyễn Thị Khiển	-	3.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hạnh ⁽³⁾	1.849.573.002	
	30.512.510.432	48.328.538.874

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay Công ty TNHH Nhà nước MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội theo 02 hợp đồng vay sau:

1.1 Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/11/2010, phụ lục ngày 17/05/2011 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 14%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 25.000.000.000 đồng.

2 Hợp đồng số 18/HĐVT/VICS, phụ lục hợp đồng vay số 13062011/PLHĐVT/VICS ngày 13/06/2011 với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 9.543.333.335 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 14%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 1.162.937.426 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

(2) Hợp đồng số 1112/2012/HDVT/VICS-TIL ngày 06/11/2012 với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng, tự động gia hạn khi đáo hạn;
- + Lãi suất vay: 14%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 2.500.000.004 đồng.

(2) Hợp đồng số 207/2012/VICS-HDVT ngày 02/07/2012 với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 2.034.500.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng, tự động gia hạn khi đáo hạn;
- + Lãi suất vay: 13%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 1.849.573.002 đồng.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	20.333.173	69.262.048
	20.333.173	69.262.048

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí giao dịch phải trả các phòng giao dịch và sở giao dịch	-	272.231.410
Chi phí lãi vay phải trả	1.818.259.164	1.996.909.168
Trích trước chi phí thuê văn phòng	585.982.600	
Chi phí phải trả khác	-	120.761.485
	2.404.241.764	2.389.902.063

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	598.540	598.540
Kinh phí công đoàn	84.753.559	109.134.691
Bảo hiểm xã hội	151.649.703	24.868.053
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.880.403.953	8.977.633.559
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh	130.900.000	5.000.000.000
Vay ngắn hạn bà Đoàn Thị Hằng, Phạm Giang Nam	-	1.480.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	382.733.514	147.652.248
	<u><u>5.735.664.269</u></u>	<u><u>15.844.512.091</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011							
Số dư đầu năm	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	816.709.047	816.709.047	20.373.384.059	377.955.252.153
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(96.282.776.217)	(96.282.776.217)
Trích lập các quỹ	-	-	-	997.272.870	997.272.870	(1.994.545.740)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(1.041.818.296)	(1.041.818.296)
Số dư cuối năm	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	1.813.981.917	1.813.981.917	(78.945.756.194)	280.630.657.640
NĂM 2012							
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(63.400.681.017)	(63.400.681.017)
Số dư cuối năm	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	1.813.981.917	1.813.981.917	(142.346.437.211)	217.229.976.623

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	341.333.000.000
- Vốn góp đầu năm	341.333.000.000	341.333.000.000
- Vốn góp cuối năm	341.333.000.000	341.333.000.000

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500	500
- Cổ phiếu phổ thông	500	500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.132.800	34.132.800
- Cổ phiếu phổ thông	34.132.800	34.132.800
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	18.597.230.541	65.666.646.128
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.589.889.373	20.621.191.091
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	238.137.980	333.376.004
- Doanh thu hoạt động tư vấn	419.091.365	542.990.453
- Doanh thu khác	16.350.111.823	44.169.088.580
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18.597.230.541	65.666.646.128

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	180.671.514	10.852.439.938
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	57.530.029.732	38.041.027.442
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	242.927.387	364.918.667
Chi phí dự phòng	1.233.716.301	62.245.317.586
Chi phí vốn kinh doanh	6.815.285.767	24.326.506.842
- Trong đó: Chi phí lãi vay	6.304.836.567	23.950.873.057
Chi phí trực tiếp chung	3.173.230.843	5.861.484.952
- Chi phí nhân viên	1.183.382.039	2.647.685.571
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	12.628.081	253.045.973
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.116.601	516.985.062
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.028.770.976	1.690.698.809
- Chi phí khác bằng tiền	426.333.146	753.069.537
	69.175.861.544	141.691.695.427

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.314.273.824	4.884.674.987
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	465.750.134	1.629.875.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.776.211.276	1.638.465.220
Thuế, phí và lệ phí	4.068.000	109.293.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.086.219.833	8.865.479.145
Chi phí khác bằng tiền	1.027.550.223	3.065.160.685
	12.674.073.290	20.192.948.676

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.400.681.017)	(96.282.776.217)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(238.137.980)	(290.753.004)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(238.137.980)	(290.753.004)
Tổng thu nhập tính thuế	(63.638.818.997)	(96.573.529.221)
- <i>Thu nhập tính thuế còn lại</i>	(63.638.818.997)	(96.573.529.221)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(117.835.909)	1.388.022.985
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(1.505.858.894)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(117.835.909)	(117.835.909)

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(63.400.681.017)	(96.282.776.217)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(63.400.681.017)	(96.282.776.217)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	34.132.800	34.132.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.857)	(2.821)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.033.367.368	-	11.262.900.871	-
Phải thu khách hàng	33.000.000	-	36.000.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.768.636.909	-	2.424.191.552	-
Phải thu khác	89.000.926.321	(43.499.163.394)	207.930.215.512	-
Đầu tư ngắn hạn	108.122.824.048	(23.854.615.950)	172.783.149.138	(66.120.063.043)
Đầu tư dài hạn	15.000.000	-	15.000.000	-
	306.973.754.646	(67.353.779.344)	394.451.457.073	(66.120.063.043)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	30.512.510.432	48.328.538.874
Phải trả người bán	4.653.000	653.233.000
Chi phí phải trả	2.404.241.764	2.389.902.063
Phải trả khác	5.735.664.269	15.844.512.091
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	497.000.000
	38.657.069.465	67.713.186.028

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.
Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.033.367.368	-	-	108.033.367.368
Phải thu khách hàng	33.000.000	-	-	33.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.768.636.909	-	-	1.768.636.909
Phải thu khác	45.501.762.927	-	-	45.501.762.927
Đầu tư ngắn hạn	84.268.208.098	-	-	84.268.208.098
Đầu tư dài hạn	-	15.000.000	-	15.000.000
	<u>239.604.975.302</u>	<u>15.000.000</u>	<u>-</u>	<u>239.619.975.302</u>

Tại 01/01/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền	11.262.900.871	-	-	11.262.900.871
Phải thu khách hàng	36.000.000	-	-	36.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.424.191.552	-	-	2.424.191.552
Phải thu khác	207.930.215.512	-	-	207.930.215.512
Đầu tư ngắn hạn	106.663.086.095	-	-	106.663.086.095
Đầu tư dài hạn	-	15.000.000	-	15.000.000
	<u>328.316.394.030</u>	<u>15.000.000</u>	<u>-</u>	<u>328.331.394.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	30.512.510.432	-	-	30.512.510.432
Phải trả người bán	4.653.000	-	-	4.653.000
Chi phí phải trả	2.404.241.764	-	-	2.404.241.764
Phải trả khác	5.735.664.269	-	-	5.735.664.269
	<u>38.657.069.465</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>38.657.069.465</u>
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	48.328.538.874	-	-	48.328.538.874
Phải trả người bán	653.233.000	-	-	653.233.000
Chi phí phải trả	2.389.902.063	-	-	2.389.902.063
Phải trả khác	15.844.512.091	-	-	15.844.512.091
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	497.000.000	-	-	497.000.000
	<u>67.713.186.028</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>67.713.186.028</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	1.589.889.373	238.137.980	16.769.203.188	18.597.230.541	-	18.597.230.541
Chi phí bộ phận trực tiếp	180.671.514	57.530.029.732	11.465.160.298	69.175.861.544	-	69.175.861.544
Chi phí không phân bổ	-	-	-	12.674.073.290	-	12.674.073.290
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.409.217.859	(57.291.891.752)	5.304.042.890	(63.252.704.293)	-	(63.252.704.293)
Tài sản bộ phận trực tiếp	47.270.399.836	84.268.208.098	-	131.538.607.934	-	131.538.607.934
Tài sản không phân bổ	-	-	-	124.721.837.513	-	124.721.837.513
Tổng tài sản	47.270.399.836	84.268.208.098	-	256.260.445.447	-	256.260.445.447
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.696.926	-	-	7.696.926	-	7.696.926
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	39.022.771.898	-	39.022.771.898
Tổng nợ phải trả	7.696.926	-	-	39.030.468.824	-	39.030.468.824

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

105-C
G TY
HỮU H
TƯ 31
KẾ TOÁN
TOÁN
M-TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Sơ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả		
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	-	2.789.101.557

Ông Nguyễn Phúc Long, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.021.547.660	1.521.517.929

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

